

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 9 – 2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Duy T1, sinh năm 1983 (*có mặt*).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1987 (*vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Huỳnh Duy T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình, anh và chị Nguyễn Thị H1 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 05/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T3, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, gia đình đã động viên, vợ chồng cố gắng điều hòa mâu thuẫn để vun đắp tình cảm nhưng không đạt kết quả, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nên anh và chị H1 sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay không trở

về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu được ly hôn với chị H1.

- Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh và chị H1 có với nhau 02 người con chung tên Huỳnh Nhật T4, sinh ngày 07/9/2008 và Huỳnh Duy H2, sinh ngày 26/12/2013 hiện do anh nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T4 và cháu H2 phù hợp với nguyện vọng của con, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ly hôn và tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Thị H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H1 theo thủ tục chung.

[3] *Về hôn nhân:* Anh Huỳnh Duy T1 và chị Nguyễn Thị H1 là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét trong thời gian chung sống, xuất phát từ bất đồng quan điểm trong cuộc sống không điều hòa được làm cho vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Anh T1 và chị H1 có thời gian sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với chị H1. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H1 không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của anh T1. Căn cứ vào lời trình bày của anh T1 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa anh T1 và chị H1 không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa anh T1 và chị H1.

[4] *Về con chung, nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:* Anh T1 và chị H1 có với nhau 02 người con chung tên Huỳnh Nhật T4, sinh ngày 07/9/2008 đã trên 12 tuổi và Huỳnh Duy H2, sinh ngày 26/12/2013 đều do anh T1 nuôi dưỡng từ tháng 4/2020 đến nay, nguyện vọng của cháu T4 muốn tiếp tục sống cùng với anh T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H1 không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu nuôi con chung của anh T1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu T4 và cháu H2 cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết ghi nhận ý kiến của anh T1 không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng cho con, chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:* Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết anh T1 phải chịu án phí giải quyết ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Duy T1 và chị Nguyễn Thị H1.

2. Về nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

2.1. Giao cháu Huỳnh Nhật T4, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2008 và cháu Huỳnh Duy H2, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2013 cho anh Huỳnh Duy T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận ý kiến của anh Huỳnh Duy T1 không yêu cầu chị Nguyễn Thị H1 phải cấp dưỡng cho con.

2.3. Chị Nguyễn Thị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Huỳnh Duy T1 phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí anh T1 đã nộp theo biên lai thu số No 0010273 ngày 25 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Huỳnh Duy T1, vắng mặt chị Nguyễn Thị H1. Báo cho anh T1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị H1 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- CC. THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã T3: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Cao Minh Tân